

Số: /GPMT-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Đạt Thành số 05/CV ngày 06/05/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 686/TTr-SNNMT ngày 29/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Đạt Thành, địa chỉ tại Tầng 7, Tòa nhà Thanh Thành Đạt, số 34, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, xã Vĩnh

Định, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 2901889807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 11/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/02/2024.

1.4. Mã số thuế: 2901889807.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất ván ghép thanh, ván ép và dăm gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 49.992 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng ghép thanh 877 m²; Nhà xưởng ván ép 877 m²; Nhà xưởng chế biến sản phẩm tận thu 877 m²; Kho nguyên liệu 2.842 m²; Kho thành phẩm 4.590 m²; Nhà KCS 446 m²; Trạm cân 182 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà văn phòng 164 m²; Nhà ăn ca 237 m²; Nhà bảo vệ 19 m²; Bể thu nước chảy tràn 315 m²; Máy, thiết bị 1 110 m²; Máy, thiết bị (2) 2.200 m²; Máy, thiết bị (3) 2.200 m²; Máy, thiết bị (4) 2.200 m²; Khu vực đậu xe tải 184 m²; Bể nước PCCC 166 m²; Trạm biến áp 16 m².

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Nhà kho chứa chất thải nguy hại 29 m²; Bể xử lý nước sinh hoạt 59 m²; Nhà vệ sinh 57 m².

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Ván ép (plywood): 16.000 m³/năm

+ Ván ghép thanh: 20.000 m³/năm

+ Dăm gỗ: 9.100 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Sản phẩm ván ghép thanh: (1) Nguyên liệu gỗ tròn đạt chuẩn → (2) Cắt khúc → (3) Xẻ ván → (4) Sấy ván → (5) Xẻ thanh, cắt loại bỏ khuyết tật → (6) Gia công thanh → (7) Rong cạnh → (8) Ghép dọc → (9) Bào chuẩn 4 mặt → (10) Ghép ngang thành tấm → (11) Cắt cạnh theo kích thước → (12) Làm láng mặt → (13) Ván ghép thanh.

+ Sản phẩm ván ép: (1) Nguyên liệu → (2) Bóc vỏ và bóc tinh để tạo ván

mỏng → (3) Sấy khô và phân loại → (4) Tráng keo → (5) Ép nguội và ép nhiệt → (6) Cắt ván theo kích thước yêu cầu → (7) Chà bóng → (8) Ván ép.

+ Dăm gỗ: (1) Cây gỗ không đạt chuẩn làm gỗ ghép thanh, các rong bìa và phế phẩm → (2) Máy băm dăm → (3) Kho dăm gỗ có mái che.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về Bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Đạt Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh, UBND xã Vĩnh Định tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Các Sở: NN&MT, Công Thương;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- UBND xã Vĩnh Định;
- Công ty CP Thương mại Bảo Đạt Thành;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà bếp khu vực nhà ăn ca.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng thải 1 (Nguồn số 01, 02): Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh, nhà ăn khu vực nhà văn phòng, nhà ăn ca được xử lý bằng bể tự hoại và bể tách dầu mỡ, sau đó chảy cùng với nước thải xám đổ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, hệ thống có gắn đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT được dẫn về khe nước tự nhiên cách Dự án 280m về phía Tây.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Tại hố ga tiếp nhận nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phía Đông Bắc dự án, chảy về khe nước tự nhiên cách Dự án 280m về phía Tây. Tọa độ: (X: 1853717 m Y: 640372 m).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiếu 3°)

Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị xây dựng hoàn thiện, Chủ dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu kinh tế.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột C, Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	6 tháng/lần	Không áp dụng
2	pH	-	5-9		
3	TSS	mg/l	≤ 70		
4	BOD5	mg/l	≤ 40		
5	COD	mg/l	≤ 100		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 40		
7	NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	≤ 10		
8	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/l	≤ 0,5		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 20		
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 10		
11	Coliform	MPN/100 mL	≤ 5000		
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 10		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải đen của cán bộ nhân viên sẽ được thu gom và xử lý bằng 01 bể tự hoại cải tiến Bastaf tại khu đất nhà vệ sinh với thể tích 42 m³/ngày.đêm, theo đường ống HDPE D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án để tiếp tục xử lý.

Nước thải xám được thu gom bằng tuyến ống D300 từ khu nhà điều hành, nhà ăn ca, nhà vệ sinh dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án.

Khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị được xây dựng, hoàn thành, Chủ Dự án sẽ đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu kinh tế theo đúng quy định.

b. Nước thải sản xuất:

- Quy trình sản xuất của Dự án chủ yếu gồm các công đoạn: tiếp nhận nguyên liệu, cưa xẻ gỗ, ép, băm dăm... Toàn bộ quá trình này không sử dụng nước trong sản xuất, do đó, dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nước thải phát sinh hệ thống xử lý khí thải được thu hồi qua hệ thống bể lắng 02 ngăn, tuần hoàn tái sử dụng để quay lại tháp hấp thụ, không thải ra môi trường.

c. Thu gom, thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống mương thoát nước mưa bê tông B500, độ dốc 0,02-0,05%. Các tuyến mương được thi công dọc theo dãy nhà văn phòng, xưởng sản xuất, kho xưởng... Trên mương thu gom xây dựng 29 hố ga, các hố ga thu nước mưa được đặt theo khoảng cách quy định khoảng từ 15m đến 50m. Điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước quy hoạch Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị ở phía Bắc nhà máy, thoát ra môi trường xung quanh.

- Đối với khu vực kho nguyên liệu và kho thành phẩm:

+ Bố trí hệ thống thu gom nước mưa bao quanh kho nguyên liệu và kho thành phẩm để thu gom nước mưa chảy tràn, kích thước mương bê tông B500, độ dốc 0,02-0,05% và đầu nối vào hệ thống cống hộp thoát nước mưa của Dự án.

+ Thi công hệ thống mái che di động với diện tích tại kho nguyên liệu khoảng 2.300 m² và kho thành phẩm khoảng 1.400 m², lắp đặt gờ chắn ngăn nước mưa chảy tràn xâm nhập vào khu vực có mái che. Bố trí mương thoát nước thu gom nước mưa tại khu vực mái che với kích thước mương bê tông B500, dài khoảng 120m và hố lắng 02 ngăn, kích thước B×L×H = 2×1×1 m để lắng nước mưa chảy tràn từ khu vực có mái che, sau đó đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của nhà máy.

+ Thông số kỹ thuật mái che:

Kho nguyên liệu (diện tích 2.842 m²): Hệ thống mái che di động với diện tích khoảng 2.300 m², kích thước: D×R×C = (73,4×31,5×6)m.

Kho thành phẩm (diện tích 4.590 m²): Hệ thống mái che di động với diện tích mái che khoảng 1.400 m², kích thước: D×R×C = (44,4×31,5×6)m.

Mái sử dụng tổ hợp thép hộp, mái bạt nhựa có thể dễ dàng đóng mở linh hoạt. Nền bê tông đá 1×2 mác 250; dày 200mm, cắt rộng 6×6m lót bạt nilon chống mất nước xi măng trên nền đất đầm hiện trạng đầm chặt K95.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (Nước thải đen) → bể tự hoại Bastaf + (Nước thải xám) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Xả thải. Hệ thống xử lý gồm 01 bể tự hoại Bastaf tại khu vực nhà nghỉ của cán bộ nhân viên với thể tích 42 m³; 01 bể điều hòa 2,5 m³; 01 bể thiếu khí 12,4 m³; 01 bể hiếu khí 9,6 m³; 01 bể lắng 3,4 m³; 01 bể khử trùng 0,6 m³.

Nước thải sau khi xử lý theo ống nhựa HDPE D300 dẫn ra hố ga xả thải trên tuyến đường nối từ Nhà máy đến ĐT582, sau đó thoát ra khe nước tự nhiên phía Tây ĐT 582 cách Dự án khoảng 280m về phía Tây.

- Công suất: 15 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

b. Nước thải sản xuất:

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải: Nước thải → Bể lắng 02 ngăn → Tuần hoàn tái sử dụng tại tháp hấp thụ, không thải ra môi trường. Xây dựng 02 ngăn lắng, dung tích 1,5 m³, kích thước dài 1,5 m × rộng 1 m × sâu 1 m, kết cấu BTCT.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 03 tháng kể từ ngày xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành thử nghiệm.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom nước thải, trước hệ thống xử lý nước thải.

- 01 mẫu nước thải đầu ra tại vị trí tại hố ga tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý nước thải phía Đông Bắc dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Lập thủ tục và thi công tuyến đường ống qua tuyến Tỉnh lộ ĐT 582 theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn giao thông.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng ngay hoạt động sản xuất, khẩn trương khắc phục hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải mới tiếp tục đi vào hoạt động trở lại theo đúng quy định.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Đạt Thành phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Vĩnh Định và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng và vận hành hệ thống mái che di động tại kho nguyên liệu và kho thành phẩm theo đúng cam kết tại Mục B Phụ lục này, bảo đảm không để nước mưa tiếp xúc với nguyên liệu, sản phẩm; thu gom, thoát nước mưa theo đúng thiết kế đã được phê duyệt và không làm phát sinh nước thải công nghiệp ngoài phạm vi đã được cấp phép.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Đạt Thành chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng các quy định về xả thải theo đúng quy định của pháp luật; phải dừng ngay các hoạt động xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI****Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải tại lò sấy của dây chuyền ván ghép thanh.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải tại lò sấy của dây chuyền ván ép.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Dòng khí thải:**

- + Dòng thải số 1 (Nguồn số 01): Bụi, khí thải tại dây chuyền ván ghép thanh sau khi xử lý qua ống khói cao 18m thoát ra môi trường.
- + Dòng thải số 2 (Nguồn số 02): Bụi, khí thải tại dây chuyền ván ép sau khi xử lý qua ống khói cao 18m thoát ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Khu kinh tế Đông Nam, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ xả khí thải:
 - + Tại ống thoát khí cao 18 m của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt dây chuyền ván ghép thanh (tọa độ: X: 1853659m, Y: 640306m;).
 - + Tại ống thoát khí cao 18 m của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt dây chuyền ván ép (tọa độ: X: 1853545m, Y: 640302m).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°)

3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 1: 3.000 m³/h.
- Dòng thải số 2: 3.000 m³/h.

4. Phương thức xả khí thải: Xả cưỡng bức, xả liên tục trong ca sản xuất.**5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận**

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C tại Bảng 1 và 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không áp dụng dụng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng (TSP)	mg/Nm ³	≤ 60		
4	CO	mg/Nm ³	≤ 350		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		
6	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò sấy ván ghép thanh và ván ép được thu gom bằng hệ thống ống dẫn khí và xử lý tại hệ thống cyclon, tháp hấp thụ. Tại mỗi lò đốt bố trí 01 hệ thống cyclon, tháp hấp thụ, nhà máy có 02 lò sấy sẽ có 02 hệ thống cyclon, tháp hấp thụ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

** Giảm thiểu bụi, khí thải từ lò sấy:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy → Ống dẫn khí → Cyclon → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói cao 18m xả thải ra môi trường tiếp nhận.

- Tổng công suất thiết kế: 6.000 m³/h, 02 hệ thống có công suất 3.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo quy định tại Điều 111 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Điều 98, Phụ lục XXIX, số thứ tự 4, cột 6 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò sấy và vệ sinh dưới bụng lò, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị cung cấp ban hành bản hướng dẫn vận hành lò sấy, phổ biến cho công nhân xây dựng quy trình vận hành lò sấy an toàn, bao gồm kiểm tra trước khi vận hành, vận hành đúng thông số thiết kế, giám sát liên tục, xử lý kịp thời các sự cố (quá nhiệt, cháy, rò rỉ...), và bảo trì định kỳ nhằm hạn chế tối đa nguy cơ sự cố và phát sinh ô nhiễm môi trường.

- Khi xảy ra sự cố lò sấy cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa nguyên liệu đốt đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng, bắt đầu từ khi hệ thống xử lý xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

02 Hệ thống xử lý khí thải lò sấy tại dây chuyền ván ghép thanh và ván ép.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại ống khói từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất gỗ ghép thanh.

+ 01 vị trí tại ống khói từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất ván ép.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc

Thực hiện quan trắc ít nhất 01 mẫu đơn/01 vị trí trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức, nếu có một trong những thông số xả khí thải vượt QCVN về khí thải, nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu bổ sung để xử lý khí thải lò sấy đảm bảo quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, quan trắc môi trường bổ sung để đánh giá mức độ phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. □

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

- Số lượng quan trắc: 02 vị trí
- Vị trí quan trắc:
 - + 01 vị trí tại ống khói từ hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất gỗ ghép thanh.
 - + 01 vị trí tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt sản xuất ván ép.
- Thông số quan trắc và quy chuẩn áp dụng: Theo quy định tại Mục A Phụ lục này.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất gỗ ghép thanh.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất băm dăm.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất ván ép.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình tại Lô số 04 - đất công nghiệp hỗn hợp, Khu kinh tế Đông Nam, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí phát sinh:

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất gỗ ghép thanh. Tọa độ: X 1853666m - Y 640335m.

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất băm dăm. Tọa độ: X 1853610m- Y 640284m.

+ Nguồn số 03: Phát sinh từ các thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất ván ép. Tọa độ: X 1853539m - Y 640337m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', mũi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn, độ rung Khu vực xung quanh Dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Cụ thể như sau:

- Tiếng ồn đạt QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (Khu vực B), mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 18 giờ	Từ 18 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	55	50	45	06 tháng/lần

- Độ rung đạt QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (Khu vực D), mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	Tần suất quan trắc
1	Độ rung	dB	65	60	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực nhà xưởng được xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn với văn phòng làm việc và khu dân cư. Đối với khu vực phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy và xây tường bao xung quanh.

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh tại Nhà máy $\geq 20\%$ tổng diện tích Nhà máy trở lên, diện tích trồng cây xanh 11.038 m².

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động với tình trạng tốt nhất.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các phương tiện chống ồn cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Công ty.

- Đối với khu vực máy bơm dăm, cửa xẻ gỗ... là nơi phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy và xây tường bao xung quanh, các máy móc này được cân chỉnh, cố định bằng các bệ móng và đặt trong nhà xưởng được xây tường cách âm. Ngoài ra, công nhân làm việc trong khu vực bơm, cửa xẻ gỗ... được trang bị các thiết bị chống ồn như nút bịt tai, khẩu trang...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Nhà máy.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo QCVN 26:2025/BNMT, QCVN 27:2025/BNMT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã số CTNH	Khối lượng phát sinh dự kiến
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20 01 21	01 kg/năm
02	Giẻ lau chùi có dính dầu, mỡ, bông thấm dầu	Rắn	15 02 02	03 kg/năm
03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	1,5 kg/năm
04	Giẻ lau, khăn lau, bao tay dính keo, keo thừa, bao bì, hộp đựng keo, ván lồi dính keo ướn...	Rắn	09 01 01	50 kg/năm

Tổng khối lượng: Chất thải nguy hại ước tính phát sinh khoảng: 55,5 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Tro từ lò đốt	Rắn	-	66
2	Giấy và bao bì carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	0,7
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và khí thải	Bùn	09 03 06	6,7
4	Gỗ vụn phát sinh từ quá trình sản xuất	Rắn	-	1.416
5	Mùn cưa, dăm bào	Rắn	-	60,6
6	Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ	Lỏng	-	0,2

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Dự án khoảng 1.550,2 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: Tối đa khoảng 151,5 kg/ngày.
- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và lưu giữ theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nhà máy sẽ bố trí 04 thùng 60 lít có nhãn dán chất thải nguy hại, để lưu giữ tạm thời từng loại chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án.

- Chất thải nguy hại sẽ xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 29 m² bố trí tại phía Đông Nam Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Trong quá trình sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị dầu mỡ sẽ được thu gom đưa về kho chất thải nguy hại, tránh thất thoát ra môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:
 - + Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.
 - + Nhà máy sẽ bố trí 03 thùng loại 60 lít đặt tại nhà làm việc, 03 thùng 120 lít khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt để thu gom lượng rác thải phát sinh.
 - + Thiết lập và phổ biến các quy định yêu cầu cán bộ nhân viên thu gom, sắp xếp CTR nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên Nhà máy.
 - + Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton... sẽ được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.
 - + Hợp đồng với Đơn vị môi trường của khu vực vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
- Đối với chất thải công nghiệp thông thường:
 - + Chất thải là tro phát sinh từ lò sấy có thể tái sử dụng để trồng cây xanh trong phạm vi Dự án hoặc vận chuyển xử lý chung với chất thải rắn thông thường, bao bì hư hỏng sẽ được Chủ dự án định kỳ hàng ngày cho công nhân thu gom vào các bao tải tập trung tại nhà kho và hợp đồng với Đơn vị Môi trường của khu vực để đưa đi xử lý.
 - + Mùn cưa, dăm bào: Chủ dự án sẽ thu hồi và tái sử dụng cho quá trình sản xuất băm dăm, không thải ra môi trường.

+ Lượng gỗ vụn, gỗ không đạt tiêu chuẩn, vỏ cây... để sản xuất gỗ ghép thanh, ván ép với khối lượng khoảng 1.416 kg/ngày sẽ được lấy làm nguyên liệu cho dây chuyền sản xuất băm dăm và một phần tận dụng làm nhiên liệu đốt cho lò sấy.

+ Bụi phát sinh từ các hệ thống xử lý bụi được công nhân thu gom và sử dụng tái sản xuất tại công đoạn băm dăm hoặc tận dụng làm nhiên liệu đốt cho lò sấy.

+ Chất thải có khả năng tái chế như bìa carton, giấy vụn,... sẽ thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Bố trí công nhân định kỳ 6 tháng/lần nạo vét vệ sinh cống rãnh xung quanh nhà máy.

+ Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải là chất thải thông thường sẽ được tiếp tục xử lý tại bể nén bùn để giảm thể tích, sau đó, chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Dầu mỡ thải từ bể tách dầu được thu gom, xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố về cháy nổ

- Lập phương án PCCC cho Dự án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Xây dựng bể chứa nước PCCC, kết cấu đáy và thành bể BTCT đặt tại phía Tây dự án.

- Hệ thống đường ống cứu hỏa chính độc lập với mạng đường ống cấp nước.

- Cùng với mạng đường ống cứu hỏa, trong công trình còn trang bị các bình cứu hỏa loại chuyên dụng tại các nhà xưởng sản xuất, nhà xe, nhà ăn ca, nhà văn phòng, kho thành phẩm... và các công trình khác trong nhà máy.

- Xây dựng nội quy và bố trí các biển báo cháy tại các khu vực có nguy cơ dễ xảy ra cháy nổ như khu vực lò sấy, khu vực chứa nguyên liệu và sản phẩm.

- Trong ca làm việc công nhân luôn có mặt tại vị trí làm việc của mình và thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật. Khi phát hiện dấu hiệu bất thường phải báo ngay cho người có trách nhiệm xử lý kịp thời.

- Các đường dây điện được thiết kế an toàn chống gây chập cháy bằng các role tự động, kiểm tra định kỳ đường dây và các mối nối.

- Phối hợp với cơ quan chuyên ngành tổ chức học tập, huấn luyện cho công nhân các kỹ thuật cơ bản để ứng phó và xử lý sự cố cháy nổ xảy ra, tuyệt đối không hút thuốc trong khu vực Nhà máy. Bố trí vật tư, thiết bị, nhân lực có sự phân công cụ thể và kế hoạch diễn tập với sự tham gia của các cán bộ nhân viên nhà máy.

2. An toàn lao động

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, giày ủng, khẩu trang, kính mắt, bông tai,...) cho cán bộ nhân viên tại các vị trí làm việc.

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Nhà máy. Khi xảy ra tai nạn lao động, cán bộ nhân viên đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên nhà máy.

3. Phòng ngừa sự cố lò sấy

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò sấy và vệ sinh dưới bụng lò, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị cung cấp ban hành bản hướng dẫn vận hành lò sấy, phổ biến cho công nhân xây dựng quy trình vận hành lò sấy an toàn, bao gồm kiểm tra trước khi vận hành, vận hành đúng thông số thiết kế, giám sát liên tục, xử lý kịp thời các sự cố (quá nhiệt, cháy, rò rỉ...), và bảo trì định kỳ nhằm hạn chế tối đa nguy cơ sự cố và phát sinh ô nhiễm môi trường.

- Khi xảy ra sự cố lò sấy cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa nguyên liệu đốt đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

4. Phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống, hệ thống xử lý nước thải

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, khắc phục.

- Giám sát đảm bảo đơn vị thi công lắp đặt, vận hành hệ thống nước thải theo đúng thiết kế đã phê duyệt, lựa chọn vật liệu làm đường ống thoát nước thải có độ bền cao, chống chịu với thời tiết tốt để hạn chế rò rỉ, vỡ đường ống trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật quy trình để hạn chế hư hỏng, kịp thời phát hiện hư hỏng và đạt hiệu quả xử lý cao nhất.

- Thực hiện công tác vận hành thử nghiệm và nộp báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Quảng Trị trước khi đưa vào hoạt động theo đúng quy định.

- Thực hiện các chương trình quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ để đánh giá và khắc phục hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Khi có sự cố hư hỏng, vỡ đường ống, rò rỉ xảy ra Chủ dự án phối hợp đơn vị có chức năng nhanh chóng khắc phục, xử lý. Tạm dừng hoạt động của khu vực liên quan đến sự cố đó để sửa chữa. Trong trường hợp này đơn vị quản lý vận hành sẽ làm việc với đơn vị được cấp phép thu gom, xử lý chất thải và nước thải sử dụng các xe bồn chuyên dụng hút toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án đem đi xử lý theo quy định.

5. Phòng ngừa sự cố do nhiệt dư

- Bọc cách nhiệt cho đường ống, buồng ép nóng, đầu ra máy sấy.
- Kiểm tra định kỳ mỗi nối ống, tránh rò rỉ khí nóng ra môi trường xung quanh.
- Lắp che chắn nhiệt tại khu vực thao tác gần máy ép nóng.
- Bố trí quạt hút mái + cửa lấy gió tươi tạo lưu thông nhiệt đối lưu, giảm nhiệt tích tụ trong phân xưởng.
- Tối ưu bố trí máy móc theo hướng gió, hạn chế để máy nhiệt cao nằm gần khu công nhân.

7. Phòng ngừa sự cố thiên tai, ngập úng cục bộ

- Thiết kế, xây dựng ống khói bảo đảm ổn định kết cấu, móng ống khói được gia cố chắc chắn, có giải pháp chống rung, chống lật.
- Định kỳ kiểm tra độ ổn định, độ nghiêng và các mối liên kết của ống khói, khung đỡ, đường ống dẫn khí thải; kịp thời sửa chữa khi phát hiện hư hỏng.
- Bố trí phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại Dự án; tổ chức diễn tập định kỳ, bảo đảm an toàn cho người lao động và công trình.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, gồm mương, rãnh, hố ga thu gom và thoát nước nhanh ra hệ thống thoát nước chung, hạn chế ứ đọng nước trong khuôn viên nhà máy.
- Có phương án bơm thoát nước dự phòng trong trường hợp mưa lớn kéo dài kết hợp mưa bão gây ngập cục bộ.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo Phụ lục 1, 2, 3.

2. Giám sát chất thải rắn

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản Bảo Đạt Thành Hải Bình

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định).

2. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

3. Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy...

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Giấy phép này, căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường do Chủ Dự án cung cấp; Chủ Dự án tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của các thông số này)./.